

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 290/2026/HC-PT
Ngày: 30 - 3 - 2026
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về
bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 324/2025/TLPT-HC ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm 499/2025/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Võ Văn C, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: A N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Hoàng Văn Q – Công ty L1 – Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: G B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Thành phố T.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C (vắng mặt).

Địa chỉ: D N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Huỳnh S – Chuyên viên Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường C (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường C.

Đại diện hợp pháp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C (vắng mặt).

Địa chỉ: D N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Huỳnh S – Chuyên viên Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường C (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn C – người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/01/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/6/2024 bản tự khai 25/3/2025, người khởi kiện trình bày:

Ngày 01/12/2023, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) Thành phố T ban hành Quyết định thu hồi đất số 16355/QĐ-UBND thu hồi của gia đình ông Chính diện T1 110,5m² tại địa chỉ: Số A đường V, phường C, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nút giao thông M, phường C, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Quyết định số 16110/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 về phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì vị trí đất thu hồi của gia đình ông C là vị trí số 1 mặt tiền đường V).

Cùng ngày 01/12/2023 UBND Thành phố T ban hành Quyết định số: 16536/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án số 130/PABT-HĐBT-CL ngày 01/12/2023, theo nội dung Quyết định phê duyệt phương án chi bồi thường cho gia đình ông C gồm:

Bồi thường, hỗ trợ về đất: Quyết định số 16536/QĐ-UBND của UBND Thành phố T chỉ bồi thường cho ông C với giá 8.448.000/m² đất. Tổng 115,6m² bồi thường với giá 892.108.800 triệu đồng.

Bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng và vật liệu kiến trúc trên đất: Đối với toàn bộ diện tích xây dựng 84,9m² nhà tường gạch, cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, trần thạch cao, mái tôn 75,5m² và mái hiên 9,4m² mái bê tông cốt thép thì Quyết định số: 16536/QĐ-UBND của UBND Thành phố T không bồi thường, hỗ trợ với lý do nhà xây dựng sau ngày 24/11/2006.

Bồi thường trang thiết bị khác: bồi thường 01 đồng hồ điện và 01 đồng hồ nước với giá bồi thường 6.631.307 đồng; đối với cây trồng hoa màu bồi thường cho gia đình ông 68.000.000 đồng.

Đối với các khoản hỗ trợ: Chi phí di chuyển là 10.000.000 đồng.

Ông C nhận thấy Quyết định số 16536/QĐ-UBND về việc phê duyệt

phương án số 130/PABT-HĐBT-CL của UBND Thành phố T để bồi thường cho gia đình mình là có sai lầm trong việc xác định mục đích sử dụng đất, dẫn đến giá bồi thường không chính xác.

Cụ thể:

Tình trạng pháp lý diện tích 115,6m² của gia đình ông và diện tích đất 70,90m² của ông Võ Văn B, là của bố mẹ ruột ông C: ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị T2 sử dụng từ trước năm 1954 đã có nhà trên đất để lại (sử dụng đất trước 15/10/1993). Năm 1990, bố mẹ ông C chết để lại cho anh em ông. Tất cả diện tích đất trên là anh B và vợ là bà T4 đứng ra kê khai cả hai diện tích đất theo hồ sơ 3376. (Hai diện tích đất cùng một vị trí số 1, cùng mặt tiền đường V và chưa được cấp GCNQSD đất). Tuy nhiên, bên phần đất của ông B (nay là bà T4 và anh Võ Hùng T3 thừa kế) thì được UBND Thành phố T xác định là “đất ở chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” để bồi thường giá 81.095.000 đồng/m² và đủ điều kiện được cấp tái định cư, đồng thời hỗ trợ nơi ở mới 287.481.775 đồng. Còn đối với diện tích đất của gia đình ông C cũng sử dụng trước 15/10/1993, trên đất có nhà của bố mẹ ông để lại đủ điều kiện cấp GCNQSD đất theo Điều 101 Luật Đất đai 2013; đủ điều kiện được bồi thường theo Điều 75 Luật Đất đai 2013. Trên diện tích đất có một căn nhà của bố mẹ ông C xây dựng từ 1954 đến nay. Sau khi bố mẹ ông C chết năm 1990 thì ngày 24/11/2006 anh chị em thỏa thuận chia nhau đất, ông C và ông B đã bỏ ra 200 triệu cho anh, chị, em nên anh, chị, em mới chia cho ông Chính diện tích đất 115,6m² có căn nhà cấp 4 diện tích 84,9m². Căn nhà này là của bố mẹ xây dựng từ năm 1975 để lại (Việc UBND phường C xác nhận căn nhà của gia đình ông xây dựng sau ngày 24/11/2006 là không đúng và không có căn cứ). Vì căn nhà này bố mẹ ông C sống từ năm 1975 trên đất, đến đời ông chỉ sửa sang lại trần thạch cao và lát gạch bông và thay tôn, tô trát lại. Tuy nhiên, UBND Thành phố T không bồi thường căn nhà và xác định diện tích thu hồi đất của gia đình ông C là Đất trồng cây lâu năm, phê duyệt phương án bồi thường bồi thường có 8.448.000 đồng/m² thấp hơn gấp 10 lần so với bồi thường đất cùng loại sát hai bên hông nhà ông (như nhà ông B và bà T6), đồng thời không bồi thường cho gia đình ông C và kết luận gia đình ông không đủ điều kiện xem xét cấp tái định cư. Trong khi hộ gia đình ông có nhiều thế hệ sinh sống, nhiều cặp vợ chồng cũng chung sống trên diện tích đất bị thu hồi như: Vợ chồng con trai ruột của ông C (anh Võ Thanh Đ, vợ là Trần Thị Ánh T4) và có hai cháu (Võ Ngọc Quỳnh A, sinh năm 2008 và Võ Anh K, sinh năm 2022). Ngoài ra, có vợ chồng con gái ông C (Võ Thị Thu L và chồng là Đặng Hoài P) và có hai cháu (Đặng Hoài Tâm B1, sinh năm 2008 và Đặng Thị Thùy T5, sinh năm 2010), đủ điều kiện tách khẩu theo Điều 25 Luật cư trú. Đất của hộ gia đình ông C bị nhà nước thu hồi toàn bộ. Tại phường C và các phường, quận khác các thành viên nhiều thế hệ trong gia đình ông không hề có bất kỳ ai có một nơi ở nào khác ngoài ở trong căn nhà bị giải tỏa này. Mặt khác UBND thành phố T không hỗ trợ tiền thuê nhà, không hỗ trợ ổn định đời sống theo đúng quy định của pháp luật cho gia đình ông.

Một căn nhà 115,6m² vị trí đắc địa mặt tiền đường V ngay vòng xoay M. Tuy nhiên, UBND Thành phố T chỉ bồi thường cả nhà và đất có 980.808.107 đồng, số tiền này gia đình ông không thể lo được nơi ở mới. Trong khi hộ gia đình ông có nhiều thế hệ đang sinh sống trên thửa đất bị thu hồi toàn bộ. Việc thu hồi không cấp tái định cư của UBND Thành phố T đã đẩy gia đình ông C vào cảnh vô gia cư, các con, các cháu không còn nơi ở, học hành (không bảo đảm an sinh xã hội). Trong khi chính sách của nhà nước khi giải phóng mặt bằng thì phải lo nơi ở mới tốt hơn hoặc bằng nơi ở cũ.

Tương tự như hộ gia đình ông B, bên phía bên phải sát thửa đất của gia đình ông, bà Nguyễn Thị T6 có diện tích đất 74,60m² cũng bị thu hồi, tình trạng pháp lý đất cũng giống như đất của gia đình ông C, chưa được cấp GCNQSD đất và sử dụng đất trước 15/10/1993 thì được xác định là đất ở chưa cấp GCNQSD đất và được bồi thường với giá 81.095.000 đồng/m² (Cao hơn gấp 10 lần của gia đình ông C).

Ông C thấy Quyết định số 16536/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án số 130/PABT-HDBT-CL xác định loại đất là trái quy định của pháp luật vì tại Điều 11 Luật Đất đai 2013 và khoản 1, Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 01/2017/NĐ-CP) của Chính phủ quy định về xác định loại đất: *"Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng"*. Đối với diện tích đất 115,6m² bố mẹ ông C đã sử dụng đất vào mục đích xây nhà diện tích 84,9m² để ở từ năm 1975, đến năm 1990 bố mẹ ông C chết, đến năm 2006 ông C tiếp tục sử dụng căn nhà và có sửa sang lại và sử dụng đất vào mục đích để ở liên tục cho đến nay; hiện trạng đang sử dụng đất vào mục đích để ở, trong gia đình ông có nhiều thế hệ sinh sống trong căn nhà này.

Tuy nhiên, UBND Thành phố T lại xác định đất của gia đình ông C là đất trồng cây lâu năm (Trong khi trên đất gia đình ông không sử dụng để trồng cây lâu năm, không hề có cây lâu năm nào tồn tại trên đất, chỉ có nhà ở). Việc xác định hạn mức đất ở UBND Thành phố H mới có quy định gần đây, không có hiệu lực đối với đất của gia đình ông từ đời cha ông để lại đã sử dụng vào mục đích đất để ở từ trước năm 1975.

Việc UBND Thành phố T xác định loại đất như vậy là không đúng với quy định của pháp luật đất đai, bất công bằng với các diện tích đất sát bên cùng tình trạng pháp lý giống như đất của gia đình ông C, dẫn đến bồi thường cho gia đình ông theo giá đất nông nghiệp còn các diện tích khác thì được bồi thường theo giá đất ở nên quyết định trên là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Mặt khác đối với vấn đề tái định cư. Theo Điều 79 Luật Đất đai 2013 và Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định: *"1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với"*

quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư;

2. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình.

3. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này mà không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc bằng nhà ở tái định cư thì được Nhà nước bồi thường bằng tiền.

4. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định”.

Hộ gia đình ông C bị thu hồi hết toàn bộ diện tích đất, hộ gia đình ông có nhiều thế hệ đang sinh sống trên cùng một thửa đất, hộ gia đình và cá nhân ông không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi. Quyết định số 16536/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND Thành phố T không hỗ trợ bố trí tái định cư cho gia đình ông là trái với quy định của pháp luật và không bảo đảm an sinh xã hội. Thu hồi đất và đẩy gia đình con, cháu gia đình ông C ra ngoài đường không có nơi nương tựa. Bồi thường cho gia đình ông một căn nhà diện tích 84,9m² mặt tiền Võ Chí C1 ngay vị trí tại vòng xoay M (vị trí đắc địa) xây dựng từ 1975 không vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng, (diện tích đất 115.6m² và nhà của cha ông để lại cho ông C từ trước 1954) tuy nhiên U không bồi thường và không tái định cư, xác định bằng giá đất nông nghiệp để bồi thường cho gia đình ông 892.108.800 đồng. Không bằng giá bồi thường 10m² đất không có giấy chứng nhận QSDĐ đất cùng loại ở sát hai bên thửa đất của gia đình ông. Do đó, nội dung của Quyết định 16536/QĐ-UBND là trái với quy định của pháp luật xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ngoài ra Quyết định số 16536/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của U không hỗ trợ theo các Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định 47/2014/NĐ-CP cho gia đình ông, trong khi Quyết định số 16110/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 về phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có quy định về các loại hỗ trợ này.

Do đó, Quyết định số: 16536/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án số 130/PART-HĐBT-CL không bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông theo giá đất ở, không bồi thường công trình trên đất, không hỗ trợ cho gia đình ông lô tái định cư và các khoản hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông C.

- Yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/. Hủy một phần nội dung Quyết định số 16536/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của U về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với đất, tài sản gắn liền với đất đối với gia đình ông C;

2/. Buộc U phải điều chỉnh lại giá bồi thường cho gia đình ông C 01m² đất theo giá 81.095.000 đồng/m² theo Quyết định số 16110/QĐ-UBND về việc phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư ngày 01/12/2023 của U;

3/. Buộc U phải bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình vật liệu kiến trúc gắn liền trên đất với diện tích xây dựng 84,9m² căn nhà tường gạch, cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, trần thạch cao, mái tôn 75,5m² và mái hiên 9,4m² mái bê tông cốt thép xây dựng từ năm 1975 theo đơn giá xây dựng của Quyết định số: 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ X với giá 3.135.000 đồng/1m²/84,9m² nhà.

4/. Buộc U phải hỗ trợ cho gia đình ông C một lô tái định cư (tại khu tái định cư 50 ha thuộc khu dân cư C diện tích 152,92 ha, phường C, TP .) để đảm bảo an sinh xã hội vì diện tích thu hồi của gia đình bị nhà nước thu toàn bộ, và gia đình có nhiều thế hệ đang chung sống và không có bất kỳ nơi ở nào khác trong Phường;

5/. Buộc U phải hỗ trợ cho gia đình ông C các khoản hỗ trợ theo Quyết định số 16110/QĐ-UBND đã phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư gồm:

- Hỗ trợ về chỗ ở mới bằng 5% trên tổng giá trị bồi thường theo tiêu mục 4 mục IV của Quyết định số 16110/QĐ-UBND phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư;

- Hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chưa cấp lô tái định cư theo tiêu mục 7.4 Quyết định số 16110/QĐ-UBND và theo khoản 4, Điều 23 Nghị quyết 28/2018/NQ-U.

- Hỗ trợ ổn định đời sống 500.000 đồng/1 nhân khẩu/ tháng theo điểm c tiết 2.3 tiêu mục 2 mục V Quyết định số 28/2018/QĐ-U và theo điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và theo Điều 29 Quyết định số 28/2018/QĐ-U.

Người bị kiện Chủ tịch UBND phường C vắng mặt, có gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến theo đó:

Ông Võ Văn C yêu cầu hủy một phần nội dung Quyết định số 16536/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T, cụ thể:

1. Thứ nhất: Yêu cầu bồi thường theo đơn giá 81.095.000 đồng/1m² là không có cơ sở, bởi:

Phần đất diện tích 105,6m² có nguồn gốc do ông (bà) Võ Văn M - Nguyễn Thị T2 sử dụng từ năm 1954, đến năm 1990, ông M, bà T2 chết các con tiếp tục sử dụng. Quá trình kê khai đăng ký 3376 do ông Võ Văn B (con) đứng tên kê khai. Đến ngày 24/11/2006, gia đình có chia lại cho ông Võ Văn C một phần đất, sau đó ông C xây dựng nhà ở đến nay.

Căn cứ điểm 2.1, khoản 2; điểm 4.1, khoản 4; tiết a, điểm 7.1, khoản 7 Mục I, phần B Chính sách số 649/CSBT-HĐBT ngày 01/12/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng Nút giao thông Mỹ T được phê duyệt tại Quyết định số 16110/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T, quy định:

“2. Điều kiện để được bồi thường về đất (Thực hiện theo Điều 75 Luật Đất đai năm 2013):

2.1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 mà chưa được cấp...”

4. Giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ và chi trả tiền:

4.1. Đơn giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ:

Theo Quyết định số 13389/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Dự án Thành phần 2: Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư để phục vụ Đầu tư xây dựng Nút giao thông M, thành phố T, cụ thể như sau:

II. Đất nông nghiệp tại phường C và phường T:

1. Đất trồng cây lâu năm thuộc khu vực 1, vị trí 1 - Tiếp giáp đường N, Đ, Võ Chí C1, đơn giá: 8.448.000 đồng/m².

7. Bồi thường đối với đất nông nghiệp, chi phí đầu tư vào đất còn lại của hộ gia đình, cá nhân (Thực hiện theo Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Điều 4 Nghị

định số 47/2014/NĐ-CP):

7.1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định sau đây:

a) Diện tích đất nông nghiệp được bồi thường bao gồm diện tích trong hạn mức theo quy định tại Điều 129, Điều 130 của Luật Đất đai năm 2013 và diện tích đất do được nhận thừa kế.”

Theo quy định điểm a, d, khoản 1, Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm b, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh:

“Điều 20. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và không vi phạm pháp luật đất đai

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (công nhận quyền sử dụng đất) cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, Điều 18 của Nghị định này và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 101 của Luật Đất đai, Điều 23 của Nghị định này được thực hiện theo quy định như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp sử dụng đất; việc sử dụng đất tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn hoặc quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi chung là quy hoạch) hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đã sử dụng đất từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:

a) Đối với thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức công nhận đất ở quy định tại Khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai (sau đây gọi là hạn mức công nhận đất ở) thì toàn bộ diện tích thửa đất được công nhận là đất ở.

Trường hợp thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức công nhận đất ở thì diện tích đất ở được công nhận bằng hạn mức công nhận đất ở; trường hợp diện tích đất xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống lớn hơn hạn mức công nhận đất ở thì công nhận diện tích đất ở theo diện tích thực tế đã xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống đó.

d) Đối với phần diện tích đất còn lại sau khi đã được xác định theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì được xác định là đất nông nghiệp và được công nhận theo quy định tại Khoản 5 Điều này.

Điều 1. Quy định hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân và mục đích áp dụng hạn mức như sau:

1. Hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân:

b) Các quận B, 7, 9, 12, B, T và thị trấn các huyện: B, H, C, Nhà B2 không quá 200m²/hộ.”

Theo tờ kê khai số 3376 do Ủy ban nhân dân phường C xác nhận vào ngày 30/12/1999, ông Võ Văn C thực hiện kê khai một phần đất có tổng diện tích 223,5m² với mục đích sử dụng để xây dựng nhà ở. Trong dự án đường V, phần diện tích đất này ông C đã nhận bồi thường hạn mức 200m² đất ở và 82,4m² đất nông nghiệp xen kẽ đất ở. Phần đất có diện tích 105,6m² mà ông C đang sở hữu nay thuộc phạm vi giải tỏa của dự án đầu tư xây dựng Nút giao thông Mỹ T được gia đình phân chia cho vào ngày 24/11/2006; thời điểm xây dựng sau ngày 01/7/2006; vượt hạn mức đất ở 200m² theo quy định tại khu vực Quận B (nay là thành phố T).

Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường phần diện tích 105,6m² theo loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thời điểm xây dựng nhà sau ngày 01/7/2006; vị trí 1 tiếp giáp đường V) với đơn giá 8.448.000 đồng/m² đối với ông Võ Văn C là phù hợp theo quy định.

2. Thứ hai: Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình vật kiến trúc gắn liền trên đất với diện tích 84,9m² kết cấu tường gạch, cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, trần thạch cao, mái tôn 75,5m² và hiên 9,4m² mái bê tông cốt thép xây dựng từ năm 1975 theo đơn giá 3.135.000 đồng/m² tại Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ X là không có cơ sở, bởi:

Vị trí căn nhà bị giải tỏa do ông Võ Văn C sử dụng thuộc một phần thửa đất số 7, 12, 13 tờ Bản đồ số 19 (theo tài liệu Bản đồ địa chính đo năm 2002); Vật kiến trúc thuộc ô 1, 2, 3 có diện tích 84,9m² xây dựng sau ngày 24/11/2006.

Căn cứ tiết d điểm 5.2, khoản 5, Mục II, phần B Chính sách số 649/CSBT-HĐBT ngày 01/12/2023 của Hội đồng bồi thường dự án đầu tư xây dựng Nút giao thông Mỹ T được phê duyệt tại Quyết định số 16110/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T, quy định:

“5. Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của các hộ gia đình, cá nhân (Thực hiện theo Khoản 2. Điều 1 Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND):

5.2. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân

không có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ:

d) Trường hợp xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 trở về sau: Không được bồi thường, không được hỗ trợ: người có công trình xây dựng trái phép phải tự tháo dỡ hoặc phải chịu chi phí khi cơ quan chức năng của Nhà nước thực hiện phá dỡ.”

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân thành phố T không bồi thường, hỗ trợ phần công trình và vật kiến trúc khác gắn liền với đất diện tích 84,9m² xây dựng sau ngày 24/11/2006 tức sau ngày 01/7/2006 đối với ông Võ Văn C là phù hợp theo quy định.

3. Thứ ba: Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T hỗ trợ một nền tái định cư tại Khu dân cư 50ha thuộc Khu dân cư C, phường C, thành phố T là không có cơ sở, bởi:

Căn cứ tiết b, điểm 1.2, khoản 1, Mục VI phần B Chính sách số 649/CSBT-HĐBT ngày 01/12/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng Nút giao thông Mỹ T được phê duyệt tại Quyết định số 16110/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T, quy định:

“1. Đối tượng, điều kiện bố trí tái định cư:

1.2. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở không đủ điều kiện bồi thường quy định tại Khoản 2 Mục I Phần này thì được giải quyết trong các trường hợp sau:

b. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở có nguồn gốc lấn chiếm đất Nhà nước quản lý chuyển mục đích sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nếu không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở tái định cư”.

Trong dự án xây dựng đường Vành đai phía Đông, ông Võ Văn C đã được giải quyết 01 nền đất, cụ thể là nền đất số 13, vị trí góc tiếp giáp hai mặt tiền đường, diện tích 253,7m², lô C, đường 11,5m, khu tái định cư Eha C, phường C, quận B (nay là thành phố T) (theo Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 08/9/2008 của Ủy ban nhân quận B3 và Quyết định số 15511/QĐ-UBND ngày 13/11/2009 của Ủy ban nhân quận B).

Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố T không hỗ trợ tái định cư đối với gia đình ông Võ Văn C là phù hợp theo quy định.

4. Thứ tư: Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T hỗ trợ tự lo chỗ ở mới; Hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chưa cấp tái định cư; Hỗ trợ ổn định đời sống 500.000 đồng/1 nhân khẩu/tháng là không có cơ sở, bởi:

- Về hỗ trợ tự lo nơi ở mới; hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ bố trí tái định cư: Ông Võ Văn C không đủ điều kiện bố trí tái định cư, nên không đủ điều kiện hỗ trợ tự lo nơi ở mới cũng như hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ

bố trí tái định cư.

- Về hỗ trợ ổn định đời sống: Căn cứ Điểm 2.1 Khoản 2 Mục V phần B Chính sách số 649/CSBT-HĐBT ngày 01/12/2023 của Hội đồng bồi thường dự án đầu tư xây dựng Nút giao thông Mỹ T được phê duyệt tại Quyết định số 16110/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T, quy định:

“2. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất (Thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 47/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP; Điều 29 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND):

2.1. Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, gồm các trường hợp sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp khi thực hiện các nghị định gồm: Nghị định số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp;...

b) Nhân khẩu nông nghiệp trong hộ gia đình quy định tại Tiết a Điểm này nhưng phát sinh sau thời điểm giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình đó.

c) Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại Tiết a Điểm này đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân phường nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó.

d) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp.

đ) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó.

e) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của tập đoàn S1, hợp tác xã N đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó.

g) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất.”

Như vậy, việc hỗ trợ ổn định đời sống chỉ giải quyết đối với trường hợp trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất; ông Võ Văn C không phải là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất nên không đủ điều kiện xem xét giải quyết.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 499/2025/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 16536/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông Võ Văn C trong Dự án thành phần 2: Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư để phục vụ đầu tư xây dựng Nút giao thông M, thành phố T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Võ Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Võ Văn C trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy Quyết định 16536/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T, buộc người bị kiện phải điều chỉnh lại giá bồi thường cho gia đình ông C; bồi thường, hỗ trợ công trình, vật kiến trúc trên đất với trị giá 3.135.000đ/m² và giải quyết cho ông C 01 nền tái định cư, giải quyết các khoản hỗ trợ khác theo quy định pháp luật vì nguồn gốc đất do gia đình ông C sử dụng ổn định từ trước năm 1975, trên đất đã có nhà xây dựng trước năm 1975, đến năm 2006 ông C chỉ sửa chữa lại nhà chứ không xây dựng mới, nên đủ điều kiện được bồi thường theo đơn giá đất ở. Ngoài ra, ông C bị thu hồi toàn bộ đất ở, trên đất có nhiều thế hệ sinh sống, hiện không còn nơi ở nào khác nên theo quy định tại Điều 86 Luật đất đai 2013 thì ông C phải được hỗ trợ cấp lô tái định cư.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí

Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Võ Văn C làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Thực hiện dự án đầu tư xây dựng nút giao thông M, phường C, ngày 01/12/2023, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) Thành phố T ban hành Quyết định số 16355/QĐ-UBND thu hồi của gia đình ông Võ Văn C diện tích 110,5m² tại địa chỉ số A đường V, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Cùng ngày 01/12/2023, UBND Thành phố T ban hành Quyết định số 16536/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án số 130/PABT-HĐBT-CL ngày 01/12/2023, bồi thường cho gia đình ông C:

- Về đất: Diện tích 115,6m², đất trồng cây lâu năm, đơn giá 8.448.000/m², thành tiền 892.108.800 triệu đồng.

- Bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng và vật liệu kiến trúc trên đất: Không bồi thường, hỗ trợ với lý do nhà xây dựng sau ngày 01/7/2006.

- Bồi thường trang thiết bị khác: 01 đồng hồ điện và 01 đồng hồ nước với giá bồi thường 6.631.307 đồng; cây trồng hoa màu 68.000.000 đồng.

- Các khoản hỗ trợ khác: Chi phí di chuyển là 10.000.000 đồng.

Ông Võ Văn C không đồng ý với quyết định bồi thường trên, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 16536/QĐ-UBND với lý do phần đất thu hồi phải được bồi thường theo đơn giá đất ở; công trình, vật kiến trúc được xây dựng trước ngày 24/11/2006 nên đủ điều kiện để được bồi thường toàn bộ giá trị; gia đình ông C đủ điều kiện để được hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu bồi thường diện tích đất thu hồi theo đơn giá đất ở:

Theo Giấy xác nhận pháp lý số 69/UBND-XN ngày 28/7/2022 của Ủy ban nhân dân phường C xác nhận:

“- Nguồn gốc đất:

+ 105,6m² có nguồn gốc do ông (bà) Võ Văn M - Nguyễn Thị T2 sử dụng từ năm 1954, đến năm 1990, ông M, bà T2 chết các con tiếp tục sử dụng. Quá trình kê khai đăng ký 3376 do ông Võ Văn B (con) đứng tên kê khai. Đến ngày 24/11/2006, gia đình có chia lại cho ông Võ Văn C “một phần đất”, sau đó ông C xây dựng nhà ở đến nay.

+ 4,9m² (thuộc một phần thửa 7, 12) đã bàn giao mặt bằng cho Nhà nước khi thực hiện đường Vành đai phía Đông.

- Vật kiến trúc: Ô 1, 2, 3 xây dựng sau ngày 24/11/2006 (không phép, không bị xử phạt vi phạm hành chính) ”.

Theo tờ Kê khai số 3376 do Ủy ban nhân dân phường C xác nhận vào ngày 30/12/1999, ông Võ Văn C thực hiện kê khai một phần đất có tổng diện tích 223,5m² với mục đích sử dụng để xây dựng nhà ở. Trong dự án đường V, phần diện tích đất này ông C đã nhận bồi thường hạn mức 200m² đất ở và 82,4m² đất nông nghiệp xen kẽ đất ở. Phần đất có diện tích 105,6m² mà ông C đang sở hữu nay thuộc phạm vi giải tỏa của dự án đầu tư xây dựng Nút giao thông Mỹ T được gia đình phân chia cho vào ngày 24/11/2006; thời điểm xây dựng sau ngày 01/7/2006; vượt hạn mức đất ở 200m² theo quy định tại khu vực Quận B (nay là thành phố T).

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường phần diện tích 105,6m² theo loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thời điểm xây dựng nhà sau ngày 01/7/2006; vị trí 1 tiếp giáp đường V) với đơn giá 8.448.000 đồng/m² đối với ông Võ Văn C là có căn cứ, phù hợp khoản 2, 4, 7 Mục I phần B Chính sách số 649/CSBT-HĐBT ngày 01 tháng 12 năm 2023 do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư nút giao thông Mỹ T.

[2.3] Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình vật kiến trúc gắn liền trên đất với diện tích 84,9m²:

Ông C cho rằng công trình trên đất được xây dựng từ năm 1975; tuy nhiên theo xác nhận tình trạng pháp lý do UBND phường C lập thì công trình trên đất xây dựng trái phép sau ngày 01/7/2006, sau khi được gia đình phân chia đất sử dụng ngày 24/11/2006. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố T không bồi thường, hỗ trợ phần công trình và vật kiến trúc khác gắn liền với đất diện tích 84,9m² đối với ông Võ Văn C là phù hợp theo quy định tiết d điểm 5.2, khoản 5, Mục II, phần B Chính sách số 649/CSBT- HĐBT ngày 01/12/2023 của Hội đồng bồi thường dự án đầu tư xây dựng Nút giao thông Mỹ T.

[2.4] Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T hỗ trợ một nền tái định

cư tại Khu dân cư 50ha thuộc Khu dân cư C, phường C, thành phố T:

Trong quá trình thực hiện dự án xây dựng đường V, ông Võ Văn C có đất bị thu hồi, đã được giải quyết 01 nền đất, cụ thể là nền đất số 13, vị trí góc tiếp giáp hai mặt tiền đường, diện tích 253,7m², lô C, đường 11,5m, khu tái định cư Eha C, phường C, quận B (nay là thành phố T) (theo Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 08/9/2008 của Ủy ban nhân quận B3 và Quyết định số 15511/QĐ-UBND ngày 13/11/2009 của Ủy ban nhân quận B). Phần diện tích đất hiện nay thu hồi của ông Võ Văn C thuộc phạm vi giải tỏa của dự án đầu tư xây dựng Nút giao thông M, vượt hạn mức 200m² đất ở mà trước đây ông C đã đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất.

Ủy ban nhân dân thành phố T không thực hiện hỗ trợ tái định cư đối với gia đình ông Võ Văn C là phù hợp theo quy định cứ tiết b, điểm 1.2, khoản 1, Mục VI phần B Chính sách số 649/CSBT-HĐBT ngày 01/12/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng Nút giao thông Mỹ T.

[2.5] Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T hỗ trợ ổn định cuộc sống:

Về hỗ trợ chi phí chuyển đến nơi ở mới; hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ bố trí tái định cư: Ông Võ Văn C không đủ điều kiện bố trí tái định cư nên không đủ điều kiện hỗ trợ tự lo nơi ở mới cũng như hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ bố trí tái định cư.

Về hỗ trợ ổn định đời sống: Việc hỗ trợ ổn định đời sống chỉ giải quyết đối với trường hợp trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất. Ông Võ Văn C không phải là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất nên không đủ điều kiện xem xét giải quyết.

[2.6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C về việc hủy Quyết định số 16536/QĐ-UBND là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông Võ Văn C không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ Văn C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Võ Văn C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 499/2025/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1/. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 16536/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông Võ Văn C trong Dự án thành phần 2: Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư để phục vụ đầu tư xây dựng Nút giao thông M, thành phố T.

2/. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Võ Văn C được miễn án phí. Hoàn trả lại cho ông C số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0069332 ngày 25/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Võ Văn C được miễn.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Đường sự (03b);
- Lưu VP (5), HS (2).17b.PPC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng